

**TỔNG HỢP KINH PHÍ CHI TRẢ THU NHẬP BÌNH QUÂN TĂNG THÊM CHO VIÊN CHỨC
KHỐI GIÁO DỤC 06 THÁNG CUỐI NĂM 2024**

Đơn vị tính: Đồng

STT	Đơn vị	Tổng cộng	Chi tiết nguồn		Ghi chú
			Ngân sách cấp	Nguồn dự toán tại đơn vị (nguồn 13)	
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>
	TỔNG CỘNG	15.886.308.110	15.832.051.624	54.256.486	
1	Trường Mầm non Sơn Ca	1.703.175.692	1.703.175.692		<i>Biểu số 01</i>
2	Trường Mầm non Trần Châu	332.799.948	332.555.537	244.411	<i>Biểu số 02</i>
3	Trường Mầm non Xuân Đám	181.116.000	181.116.000		<i>Biểu số 03</i>
4	Trường Mầm non Phù Long	312.326.820	312.326.820		<i>Biểu số 04</i>
5	Trường Mầm non thị trấn Cát Hải	776.966.299	776.966.299		<i>Biểu số 05</i>
6	Trường Mầm non Văn Phong	294.123.960	294.123.960		<i>Biểu số 06</i>
7	Trường Mầm non Hoàng Châu	305.098.560	305.098.560		<i>Biểu số 07</i>
8	Trường Mầm non Sao Mai	511.312.651	511.312.651		<i>Biểu số 08</i>
9	Trường TH&THCS Hà Sen	1.090.380.377	1.090.183.128	197.249	<i>Biểu số 09</i>
	<i>Tiểu học</i>	347.602.320	347.405.071	197.249	
	<i>THCS</i>	742.778.057	742.778.057		
10	Trường TH&THCS Xuân Đám	621.289.375	618.932.556	2.356.819	<i>Biểu số 10</i>
	<i>Tiểu học</i>	258.551.935	256.195.116	2.356.819	
	<i>THCS</i>	362.737.440	362.737.440		
11	Trường TH&THCS Hiền Hào	571.863.240	571.858.890	4.350	<i>Biểu số 11</i>
	<i>Mầm non</i>	64.106.640	64.106.640		
	<i>Tiểu học</i>	181.663.560	181.659.210	4.350	
	<i>THCS</i>	326.093.040	326.093.040		
12	Trường TH&THCS Gia Luận	550.794.816	550.791.612	3.204	<i>Biểu số 12</i>
	<i>Mầm non</i>	75.816.000	75.816.000		
	<i>Tiểu học</i>	149.690.268	149.687.064	3.204	
	<i>THCS</i>	325.288.548	325.288.548		
13	Trường TH&THCS Phù Long	633.611.722	628.991.776	4.619.946	<i>Biểu số 13</i>
	<i>Tiểu học</i>	256.370.962	251.751.016	4.619.946	
	<i>THCS</i>	377.240.760	377.240.760		
14	Trường TH&THCS Văn Phong	710.369.806	710.369.806		<i>Biểu số 14</i>
	<i>Tiểu học</i>	261.687.348	261.687.348		
	<i>THCS</i>	448.682.458	448.682.458		
15	Trường TH&THCS Hoàng Châu	640.255.169	639.521.082	734.087	<i>Biểu số 15</i>
	<i>Tiểu học</i>	199.690.920	198.956.833	734.087	
	<i>THCS</i>	440.564.249	440.564.249		
16	Trường TH&THCS Nghĩa Lộ	1.113.122.088	1.072.830.088	40.292.000	<i>Biểu số 16</i>

STT	Đơn vị	Tổng cộng	Chi tiết nguồn		Ghi chú
			Ngân sách cấp	Nguồn dự toán tại đơn vị (nguồn 13)	
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>
	<i>Tiểu học</i>	480.309.523	480.309.523		
	<i>THCS</i>	632.812.565	592.520.565	40.292.000	
17	Trường tiểu học Nguyễn Văn Trỗi	2.036.851.877	2.031.051.357	5.800.520	<i>Biểu số 17</i>
	<i>Mầm non</i>	51.933.960	51.933.960		
	<i>Tiểu học</i>	1.984.917.917	1.979.117.397	5.800.520	
18	Trường tiểu học và THCS Đoàn Đức Thái	1.668.283.906	1.668.280.006	3.900	<i>Biểu số 18</i>
	<i>Tiểu học</i>	797.905.274	797.905.274		
	<i>THCS</i>	870.378.632	870.374.732	3.900	
19	Trường THCS thị trấn Cát Bà	1.468.765.256	1.468.765.256		<i>Biểu số 19</i>
20	Trung tâm GDNN-GDTX	363.800.549	363.800.549		<i>Biểu số 20</i>

DỰ TOÁN BỔ SUNG CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025Tên đơn vị hưởng: **Trường Mầm non Sơn Ca**Mã đơn vị quan hệ ngân sách: **1082642** - Mã chương: **622**ĐVT: *Đồng*

TT	Nội dung	Mã dự toán	Mã Khoản	Số tiền	Ghi chú
1	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách				
1.1	Số thu phí, lệ phí				
1.2	Chi từ 60% nguồn thu phí được để lại tại đơn vị				
1.3	Kinh phí tạo nguồn cải cách tiền lương				
2	Dự toán chi ngân sách nhà nước			1.703.175.692	
2.1	Dự toán chi thường xuyên (Mã nguồn 13)			1.703.175.692	
	<i>Sự nghiệp Giáo dục-Đào tạo</i>				
	Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND và Nghị quyết 01/2023/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân	01	071	1.703.175.692	

DỰ TOÁN BỔ SUNG CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025

Tên đơn vị hưởng: **Trường Mầm non Trần Châu**

Mã đơn vị quan hệ ngân sách: **1005918** - Mã chương: **622**

ĐVT: Đồng

TT	Nội dung	Mã dự toán	Mã Khoản	Số tiền	Ghi chú
1	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách				
1.1	Số thu phí, lệ phí				
1.2	Chi từ 60% nguồn thu phí được để lại tại đơn vị				
1.3	Kinh phí tạo nguồn cải cách tiền lương				
2	Dự toán chi ngân sách nhà nước			332.555.537	
2.1	Dự toán chi thường xuyên (Mã nguồn 13)			332.555.537	
	<i>Sự nghiệp Giáo dục-Đào tạo</i>				
	Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND và Nghị quyết 01/2023/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân	01	071	332.555.537	

DỰ TOÁN BỔ SUNG CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025

Tên đơn vị hưởng: **Trường Mầm non Xuân Đám**

Mã đơn vị quan hệ ngân sách: **1107468** - Mã chương: **622**

DVT: Đồng

TT	Nội dung	Mã dự toán	Mã Khoản	Số tiền	Ghi chú
1	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách				
1.1	Số thu phí, lệ phí				
1.2	Chi từ 60% nguồn thu phí được để lại tại đơn vị				
1.3	Kinh phí tạo nguồn cải cách tiền lương				
2	Dự toán chi ngân sách nhà nước			181.116.000	
2.2	Dự toán chi thường xuyên (Mã nguồn 13)			181.116.000	
	<i>Sự nghiệp Giáo dục-Đào tạo</i>				
	Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND và Nghị quyết 01/2023/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân	01	071	181.116.000	

DỰ TOÁN BỔ SUNG CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025Tên đơn vị hưởng: **Trường Mầm non Phù Long**Mã đơn vị quan hệ ngân sách: **1107471** - Mã chương: **622**ĐVT: *Đồng*

TT	Nội dung	Mã dự toán	Mã Khoản	Số tiền	Ghi chú
1	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách				
1.1	Số thu phí, lệ phí				
1.2	Chi từ 60% nguồn thu phí được để lại tại đơn vị				
1.3	Kinh phí tạo nguồn cải cách tiền lương				
2	Dự toán chi ngân sách nhà nước			312.326.820	
2.1	Dự toán chi thường xuyên (Mã nguồn 13)			312.326.820	
	<i>Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo</i>				
	Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND và Nghị quyết 01/2023/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân	01	071	312.326.820	

DỰ TOÁN BỔ SUNG CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025Tên đơn vị hưởng: **Trường Mầm non thị trấn Cát Hải**Mã đơn vị quan hệ ngân sách: **1059800** - Mã chương: **622**ĐVT: *Đồng*

TT	Nội dung	Mã dự toán	Mã Khoản	Số tiền	Ghi chú
1	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách				
1.1	Số thu phí, lệ phí				
1.2	Chi từ 60% nguồn thu phí được để lại tại đơn vị				
1.3	Kinh phí tạo nguồn cải cách tiền lương				
2	Dự toán chi ngân sách nhà nước			776.966.299	
2.1	Dự toán chi thường xuyên (Mã nguồn 13)			776.966.299	
	<i>Sự nghiệp Giáo dục-Đào tạo</i>				
	Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND và Nghị quyết 01/2023/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân	01	071	776.966.299	

DỰ TOÁN BỔ SUNG CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025Tên đơn vị hưởng: **Trường Mầm non Văn Phong**Mã đơn vị quan hệ ngân sách: **1059799** - Mã chương: **622***DVT: Đồng*

TT	Nội dung	Mã dự toán	Mã Khoản	Số tiền	Ghi chú
1	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách				
1.1	Số thu phí, lệ phí				
1.2	Chi từ 60% nguồn thu phí được để lại tại đơn vị				
1.3	Kinh phí tạo nguồn cải cách tiền lương				
2	Dự toán chi ngân sách nhà nước			294.123.960	
2.2	Dự toán chi thường xuyên (Mã nguồn 13)			294.123.960	
	<i>Sự nghiệp Giáo dục-Đào tạo</i>				
	Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND và Nghị quyết 01/2023/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân	01	071	294.123.960	

Biểu số: 07

DỰ TOÁN BỔ SUNG CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025

Tên đơn vị hưởng: **Trường Mầm non Hoàng Châu**
Mã đơn vị quan hệ ngân sách: **1107469** - Mã chương: **622**

ĐVT: Đồng

TT	Nội dung	Mã dự toán	Mã Khoản	Số tiền	Ghi chú
1	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách				
1.1	Số thu phí, lệ phí				
1.2	Chi từ 60% nguồn thu phí được để lại tại đơn vị				
1.3	Kinh phí tạo nguồn cải cách tiền lương				
2	Dự toán chi ngân sách nhà nước			305.098.560	
2.1	Dự toán chi thường xuyên (Mã nguồn 13)			305.098.560	
	<i>Sự nghiệp Giáo dục-Đào tạo</i>				
	Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND và Nghị quyết 01/2023/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân	01	071	305.098.560	

DỰ TOÁN BỔ SUNG CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025Tên đơn vị hưởng: **Trường Mầm non Sao Mai**Mã đơn vị quan hệ ngân sách: **1059798** - Mã chương: **622**ĐVT: *Đồng*

TT	Nội dung	Mã dự toán	Mã Khoản	Số tiền	Ghi chú
1	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách				
1.1	Số thu phí, lệ phí				
1.2	Chi từ 60% nguồn thu phí được để lại tại đơn vị				
1.3	Kinh phí tạo nguồn cải cách tiền lương				
2	Dự toán chi ngân sách nhà nước			511.312.651	
2.1	Dự toán chi thường xuyên (Mã nguồn 13)			511.312.651	
	<i>Sự nghiệp Giáo dục-Đào tạo</i>				
	Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND và Nghị quyết 01/2023/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân	01	071	511.312.651	

Biểu số: 09

DỰ TOÁN BỔ SUNG CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025

Tên đơn vị hưởng: **Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Hà Sen**

Mã đơn vị quan hệ ngân sách: **1045607** - Mã chương: **622**

DVT: Đồng

TT	Nội dung	Mã dự toán	Mã Khoản	Số tiền	Ghi chú
1	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách				
1.1	Số thu phí, lệ phí				
1.2	Chi từ 60% nguồn thu phí được để lại tại đơn vị				
1.3	Kinh phí tạo nguồn cải cách tiền lương				
2	Dự toán chi ngân sách nhà nước			1.090.183.128	
2.1	Dự toán chi thường xuyên (Mã nguồn 13)			1.090.183.128	
	<i>Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo</i>				
	Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND và Nghị quyết 01/2023/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân	01	072	347.405.071	
		01	073	742.778.057	

DỰ TOÁN BỔ SUNG CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025Tên đơn vị hưởng: **Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Xuân Đám**Mã đơn vị quan hệ ngân sách: **1045608** - Mã chương: **622**ĐVT: *Đồng*

TT	Nội dung	Mã dự toán	Mã Khoản	Số tiền	Ghi chú
1	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách				
1.1	Số thu phí, lệ phí				
1.2	Chi từ 60% nguồn thu phí được để lại tại đơn vị				
1.3	Kinh phí tạo nguồn cải cách tiền lương				
2	Dự toán chi ngân sách nhà nước			618.932.556	
2.1	Dự toán chi thường xuyên (Mã nguồn 13)			618.932.556	
	<i>Sự nghiệp Giáo dục-Đào tạo</i>				
	Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND và Nghị quyết 01/2023/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân	01	072	256.195.116	
		01	073	362.737.440	

DỰ TOÁN BỔ SUNG CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025Tên đơn vị hưởng: **Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Hiền Hào**Mã đơn vị quan hệ ngân sách: **1045605** - Mã chương: **622**ĐVT: *Đồng*

TT	Nội dung	Mã dự toán	Mã Khoản	Số tiền	Ghi chú
1	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách				
1.1	Số thu phí, lệ phí				
1.2	Chi từ 60% nguồn thu phí được để lại tại đơn vị				
1.3	Kinh phí tạo nguồn cải cách tiền lương				
2	Dự toán chi ngân sách nhà nước			571.858.890	
2.1	Dự toán chi thường xuyên (Mã nguồn 13)			571.858.890	
	<i>Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo</i>				
	Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND và Nghị quyết 01/2023/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân	01	071	64.106.640	
		01	072	181.659.210	
		01	073	326.093.040	

DỰ TOÁN BỔ SUNG CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025Tên đơn vị hưởng: **Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Gia Luận**Mã đơn vị quan hệ ngân sách: **1045606** - Mã chương: **622**ĐVT: *Đồng*

TT	Nội dung	Mã dự toán	Mã Khoản	Số tiền	Ghi chú
1	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách				
1.1	Số thu phí, lệ phí				
1.2	Chi từ 60% nguồn thu phí được để lại tại đơn vị				
1.3	Kinh phí tạo nguồn cải cách tiền lương				
2	Dự toán chi ngân sách nhà nước			550.791.612	
2.1	Dự toán chi thường xuyên (Mã nguồn 13)			550.791.612	
	<i>Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo</i>				
	Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND và Nghị quyết 01/2023/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân	01	071	75.816.000	
		01	072	149.687.064	
		01	073	325.288.548	

DỰ TOÁN BỔ SUNG CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025

Tên đơn vị hưởng: **Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Phù Long**

Mã đơn vị quan hệ ngân sách: **1045601** - Mã chương: **622**

ĐVT: Đồng

TT	Nội dung	Mã dự toán	Mã Khoản	Số tiền	Ghi chú
1	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách				
1.1	Số thu phí, lệ phí				
1.2	Chi từ 60% nguồn thu phí được để lại tại đơn vị				
1.3	Kinh phí tạo nguồn cải cách tiền lương				
2	Dự toán chi ngân sách nhà nước			628.991.776	
2.1	Dự toán chi thường xuyên (Mã nguồn 13)			628.991.776	
	<i>Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo</i>				
	Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND và Nghị quyết 01/2023/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân	01	072	251.751.016	
		01	073	377.240.760	

DỰ TOÁN BỔ SUNG CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025Tên đơn vị hưởng: **Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Văn Phong**Mã đơn vị quan hệ ngân sách: **1045612** - Mã chương: **622**ĐVT: *Đồng*

TT	Nội dung	Mã dự toán	Mã Khoản	Số tiền	Ghi chú
1	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách				
1.1	Số thu phí, lệ phí				
1.2	Chi từ 60% nguồn thu phí được để lại tại đơn vị				
1.3	Kinh phí tạo nguồn cải cách tiền lương				
2	Dự toán chi ngân sách nhà nước			710.369.806	
2.1	Dự toán chi thường xuyên (Mã nguồn 13)			710.369.806	
	<i>Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo</i>				
	Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND và Nghị quyết 01/2023/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân	01	072	261.687.348	
		01	073	448.682.458	

DỰ TOÁN BỔ SUNG CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025Tên đơn vị hưởng: **Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Hoàng Châu**Mã đơn vị quan hệ ngân sách: **1046741** - Mã chương: **622**ĐVT: *Đồng*

TT	Nội dung	Mã dự toán	Mã Khoản	Số tiền	Ghi chú
1	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách				
1.1	Số thu phí, lệ phí				
1.2	Chi từ 60% nguồn thu phí được để lại tại đơn vị				
1.3	Kinh phí tạo nguồn cải cách tiền lương				
2	Dự toán chi ngân sách nhà nước			639.521.082	
2.1	Dự toán chi thường xuyên (Mã nguồn 13)			639.521.082	
	<i>Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo</i>				
	Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND và Nghị quyết 01/2023/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân	01	072	198.956.833	
		01	073	440.564.249	

DỰ TOÁN BỔ SUNG CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025Tên đơn vị hưởng: **Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Nghĩa Lộ**Mã đơn vị quan hệ ngân sách: **1045610** - Mã chương: **622**ĐVT: *Đồng*

TT	Nội dung	Mã dự toán	Mã Khoản	Số tiền	Ghi chú
1	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách				
1.1	Số thu phí, lệ phí				
1.2	Chi từ 60% nguồn thu phí được để lại tại đơn vị				
1.3	Kinh phí tạo nguồn cải cách tiền lương				
2	Dự toán chi ngân sách nhà nước			1.072.830.088	
2.1	Dự toán chi thường xuyên (Mã nguồn 13)			1.072.830.088	
	<i>Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo</i>				
	Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND và Nghị quyết 01/2023/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân	01	072	480.309.523	
		01	073	592.520.565	

DỰ TOÁN BỔ SUNG CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025

Tên đơn vị hưởng: **Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi**
Mã đơn vị quan hệ ngân sách: **1045616** - Mã chương: **622**

DVT: Đồng

TT	Nội dung	Mã dự toán	Mã Khoản	Số tiền	Ghi chú
1	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách				
1.1	Số thu phí, lệ phí				
1.2	Chi từ 60% nguồn thu phí được để lại tại đơn vị				
1.3	Kinh phí tạo nguồn cải cách tiền lương				
2	Dự toán chi ngân sách nhà nước			2.031.051.357	
2.1	Dự toán chi thường xuyên (Mã nguồn 13)			2.031.051.357	
	<i>Sự nghiệp Giáo dục- Đào tạo</i>				
	Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND và Nghị quyết 01/2023/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân	01	071	51.933.960	
			072	1.979.117.397	

DỰ TOÁN BỔ SUNG CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025Tên đơn vị hưởng: **Trường Tiểu học và THCS Đoàn Đức Thái**Mã đơn vị quan hệ ngân sách: **1134363** - Mã chương: **622**ĐVT: *Đồng*

TT	Nội dung	Mã dự toán	Mã Khoản	Số tiền	Ghi chú
1	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách				
1.1	Số thu phí, lệ phí				
1.2	Chi từ 60% nguồn thu phí được để lại tại đơn vị				
1.3	Kinh phí tạo nguồn cải cách tiền lương				
2	Dự toán chi ngân sách nhà nước			1.668.280.006	
2.1	Dự toán chi thường xuyên (Mã nguồn 13)			1.668.280.006	
	<i>Sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo</i>				
	Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND và Nghị quyết 01/2023/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân	01	072	797.905.274	
			073	870.374.732	

DỰ TOÁN BỔ SUNG CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025Tên đơn vị hưởng: **Trường Trung học cơ sở thị trấn Cát Bà**Mã đơn vị quan hệ ngân sách: **1082641** - Mã chương: **622**ĐVT: *Đồng*

TT	Nội dung	Mã dự toán	Mã Khoản	Số tiền	Ghi chú
1	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách				
1.1	Số thu phí, lệ phí				
1.2	Chi từ 60% nguồn thu phí được để lại tại đơn vị				
1.3	Kinh phí tạo nguồn cải cách tiền lương				
2	Dự toán chi ngân sách nhà nước			1.468.765.256	
2.1	Dự toán chi thường xuyên (Mã nguồn 13)			1.468.765.256	
	<i>Sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo</i>				
	Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND và Nghị quyết 01/2023/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân	01	073	1.468.765.256	

DỰ TOÁN BỔ SUNG CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025Tên đơn vị hưởng: **Trung tâm GDNN-GDTX huyện Cát Hải**Mã đơn vị quan hệ ngân sách: **1006067**- Mã chương: **622***ĐVT: Đồng*

TT	Nội dung	Mã dự toán	Mã Khoản	Số tiền	Ghi chú
1	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách				
1.1	Số thu phí, lệ phí				
1.2	Chi từ nguồn thu phí được để lại tại đơn vị				
2	Dự toán chi ngân sách nhà nước			363.800.549	
2.1	Dự toán chi thường xuyên (Mã nguồn 13)			363.800.549	
	<i>Sự nghiệp Đào tạo và Dạy nghề</i>				
	Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND và Nghị quyết 01/2023/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân	01	075	363.800.549	

**DANH SÁCH CHI TRẢ THU NHẬP BÌNH QUÂN TĂNG THÊM CHO
VIÊN CHỨC KHỐI GIÁO DỤC 06 THÁNG CUỐI NĂM 2024**

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số tiền (đồng)	Ghi chú
	TỔNG		15.886.308.110	
I	Trường Mầm non Sơn Ca		1.703.175.692	
	<i>Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên</i>		<i>1.703.175.692</i>	
0	Trần Thị Minh	Nguyên HT MN SC	42.793.920	
1	Bùi Thị Hoa Sen	Nguyên HT MN 3/2	43.846.920	
2	Lê Thanh Hiền Hương	Hiệu trưởng	33.780.240	
3	Đỗ Thị Thùy Linh	P. hiệu trưởng	33.780.240	
4	Hoàng Thị Diệp	P. hiệu trưởng	47.137.334	
5	Nguyễn Thị Hồng Liên	P. hiệu trưởng	36.307.440	
6	Nguyễn Hương Dịu	Giáo viên	38.581.920	
7	Trần Thị Anh	Tổ trưởng tổ 5 tuổi	32.432.400	
8	Hoàng Thị Thùy	Giáo viên	38.581.920	
9	Đỗ Thị Sang	Giáo viên	33.359.040	
10	Trần Thị Sáu	Tổ trưởng tổ NT	29.820.960	
11	Nguyễn Thị Ngọc Diệu	Giáo viên	25.272.000	
12	Nguyễn Thị Thu Huyền	Giáo viên	29.877.120	
13	Trần Thị Thu Nguyệt	Giáo viên	28.051.920	
14	Vũ Thị Phụng	Giáo viên	28.136.160	
15	Lê Thị Phương Thảo	Tổ phó tổ 5 tuổi	29.315.520	
16	Lê Thị Kiều Oanh	Giáo viên	22.913.280	
17	Đặng Thị Thu Hiền	Giáo viên	23.882.040	
18	Đặng Thị Quỳnh Nga	Tổ trưởng tổ 3+4T	25.566.840	
19	Nguyễn Thị Minh Hồng	Giáo viên	25.735.320	
20	Nguyễn Thị Cẩm Linh	Tổ phó tổ 3+4T	25.482.600	
21	Nguyễn Thị Ngọc	Giáo viên	3.748.680	
22	Nguyễn Thị Quỳnh Mai	Giáo viên	25.272.000	
23	Trần Thị Ngọc Oanh	Giáo viên	23.418.720	
24	Nguyễn Thị Huyền Trâm	Giáo viên	23.882.040	
25	Nguyễn Thị Trang	Giáo viên	21.565.440	
26	Nguyễn Thu Hoài	Giáo viên	20.301.840	
27	Phạm Ngọc Tú	Giáo viên	7.497.360	
28	Đinh Thị Thùy Dương	Giáo viên	19.866.600	
29	Vũ Thị Kỳ Duyên	Giáo viên	17.690.400	
30	Nguyễn Thị Thu	Giáo viên	17.690.400	
31	Nguyễn Thị Xuân	Giáo viên	17.690.400	
32	Nguyễn Thị Loan	Giáo viên	8.628.282	
33	Hoàng Thị Kiều Diễm	Giáo viên	42.301.116	
34	Hoàng Thị Diệp Anh	Giáo viên	33.359.040	
35	Đỗ Thị Thu Hường	Giáo viên	38.581.920	
36	Nguyễn Thị Gái	Giáo viên	35.970.480	

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số tiền (đồng)	Ghi chú
37	Nguyễn Thị Huyền Sâm	Giáo viên - TT	35.043.840	
38	Hoàng Thị Mến	Giáo viên	33.359.040	
39	Nguyễn Thị Trang Diễm	Giáo viên - TT	35.043.840	
40	Nguyễn Thị Phương Thuý	Giáo viên	30.831.840	
41	Hoàng Minh Tuyết	Giáo viên	28.136.160	
42	Vũ Thị Hồng Nhung	Giáo viên - TP	29.399.760	
43	Phạm Thị Liên	Giáo viên	30.831.840	
44	Hoàng Minh Thư	Giáo viên	30.368.520	
45	Phùng Ngọc Anh	Giáo viên - TT	26.956.800	
46	Đỗ Thị Minh Châu	Giáo viên	28.051.920	
47	Nguyễn Thị Hiền	Giáo viên	28.051.920	
48	Lê Thị Thanh Tâm	Giáo viên	28.051.920	
49	Lý Thị Kiều Trang	Giáo viên - TP	29.315.520	
50	Vũ Thuỳ Dung	Giáo viên	25.272.000	
51	Đỗ Thị Hoài Thu	Giáo viên	26.198.640	
52	Hoàng Thị Thu Thảo	Giáo viên	23.418.720	
53	Nguyễn Thuý Nga	Giáo viên	22.955.400	
54	Phạm Thị Mai Quế	Giáo viên	22.913.280	
55	Phạm Thị Châm	Giáo viên	23.418.720	
56	Nguyễn Thanh Lan	Giáo viên	20.301.840	
57	Lê Thu Hạnh	Giáo viên	20.301.840	
58	Trịnh Thị Cẩm Nhung	Giáo viên	22.492.080	
59	Đỗ Thị Oanh	Giáo viên	22.492.080	
60	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Giáo viên	17.690.400	
61	Nguyễn Thị Lan Anh	Giáo viên	2.948.400	
62	Lê Thị Ngọc Anh	Tổ trưởng tổ VP	13.604.760	
63	Vũ Thị Hương	Tổ trưởng tổ VP	13.604.760	
II	Trường mầm non Trần Châu		332.799.948	
	<i>Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên</i>		332.799.948	
0	Đặng Thị Hạnh	Hiệu trưởng	37.823.760	
1	Nguyễn Thị Diệu Linh	Hiệu phó	35.436.960	
2	Nguyễn Thị Duyên	Hiệu phó	28.220.400	
3	Vũ Hà My	GV-TPCM	26.114.400	
4	Nguyễn Thị Hương Thảo	GV	33.920.640	
5	Vũ Thị Quỳnh	GV- TTCM	29.596.320	
6	Nguyễn Thị Huyền Trang	GV	33.611.760	
7	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	GV	17.690.400	
8	Vũ Thị Thu Huyền	GV	28.136.160	
9	Hoàng Thị Huyền Trang	GV	22.492.080	
10	Bùi Thị Hồng Phượng	GV	17.690.400	
11	Lê Thị Thu Hằng	Kế toán - TP Tổ VP	12.088.440	
12	Dương Bùi Mai Quỳnh	Kế toán - TT Tổ VP	9.978.228	
III	Trường mầm non Xuân Đám		181.116.000	
	<i>Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên</i>		181.116.000	

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số tiền (đồng)	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Minh Hồng	Hiệu trưởng	38.876.760	
2	Nguyễn Thu Hòa	Tổ trưởng CM	31.955.040	
3	Tô Thị Diệu Vân	Giáo viên	17.690.400	
4	Nguyễn Thị Hằng	Phó Hiệu trưởng	38.076.480	
5	Nguyễn Thanh Vân	Giáo viên	25.833.600	
6	Đinh Thùy Dung	Giáo viên	17.690.400	
7	Trịnh Thị Thoa	Giáo viên	10.993.320	
IV	Trường mầm non Phù Long		312.326.820	
	<i>Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên</i>		<i>312.326.820</i>	
1	Phạm Quốc Việt	Hiệu trưởng	36.560.160	
2	Nguyễn Tam Xuân	Phó Hiệu trưởng	41.277.600	
3	Bùi .T. Cẩm Nhung	Giáo viên	30.831.840	
4	Lê Huyền Chang	Giáo viên	32.095.440	
5	Nguyễn Thị Nguyệt	Giáo viên	25.272.000	
6	Đỗ Thị Dung	Giáo viên	25.272.000	
7	Nguyễn T. Thanh Thùy	Giáo viên	22.478.040	
8	Đặng T. Kiều Anh	Giáo viên	26.956.800	
9	Nguyễn T. Ngọc Anh	Giáo viên	23.882.040	
10	Vũ Thị Vân Anh	Giáo viên	25.272.000	
11	Tô Thanh Bình	Giáo viên	7.518.420	
12	Vũ Thị Giang	Kế toán	14.910.480	
V	Trường mầm non thị trấn Cát Hải		776.966.299	
	<i>Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên</i>		<i>776.966.299</i>	
1	Nguyễn Thị Quyên	Hiệu trưởng	46.513.116	
2	Hà Thị Thùy Dương	Phó hiệu trưởng	39.340.080	
3	Bùi Thị Chanh	Phó hiệu trưởng	42.120.000	
4	Phạm Thị Thu Hiền	TPCM	41.951.520	
5	Bùi Thị Liên	TPCM	44.610.134	
6	Nguyễn Thị Thanh	Giáo viên	38.581.920	
7	Nguyễn Thị Thu Dung	Giáo viên	36.391.680	
8	Nguyễn Thị Vân Anh	TTCM	38.076.480	
9	Trần Thị Minh Hương	TTCM	36.391.680	
10	Đỗ Thị Hằng	Giáo viên	37.191.960	
11	Lê Thị Thanh Thủy	Giáo viên	35.465.040	
12	Vũ Thị Thanh Tâm	TTCM	33.302.880	
13	Lưu Thị Chót	Giáo viên	34.173.360	
14	Lê Thị Minh Hằng	Giáo viên	34.201.440	
15	Lê Thị Thu Hương	Giáo viên	33.611.760	

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số tiền (đồng)	Ghi chú
16	Phạm Thị Việt Trinh	Giáo viên	24.598.080	
17	Nguyễn Thu Huyền	Giáo viên	28.136.160	
18	Bùi Thị Hà Vân	Giáo viên	22.492.080	
19	Trần Thị Ngọc Huyền	Giáo viên	22.492.080	
20	Nguyễn Thị Thiên Hương	Giáo viên	21.565.440	
21	Nguyễn Thị Hà	Giáo viên	35.970.480	
22	Nguyễn Thị Minh Lý	Nhân viên	37.995.329	
23	Ngô Thị Bích Liên	Giáo viên	11.793.600	
VI	Trường mầm non Văn Phong		294.123.960	
	<i>Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên</i>		294.123.960	
1	Phạm Thị Út	Hiệu trưởng	42.120.000	
2	Bùi Thị Kim Thúy	Phó hiệu trưởng	32.937.840	
3	Phạm Thị Hồi	Tổ trưởng CM	39.143.520	
4	Nguyễn Thị Dinh	Giáo viên	25.272.000	
5	Nguyễn Hồng Nhung	Giáo viên	31.674.240	
6	Phạm Thị Kim Oanh	Tổ phó CM	26.816.400	
7	Đỗ Thị Kim Phụng	Giáo viên	22.913.280	
8	Nguyễn Thị Phương Thảo	Giáo viên	20.301.840	
9	Bùi Thị Hiền	Giáo viên	25.272.000	
10	Lương Thị Thục Anh	Giáo viên	10.150.920	
11	Đoàn Thị Nga	Kế toán	17.521.920	
VII	Trường mầm non Hoàng Châu		305.098.560	
	<i>Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên</i>		305.098.560	
1	Hoàng Thị Mai	Hiệu trưởng	36.560.160	
2	Hoàng Thị Hoàng Anh	Phó hiệu trưởng	32.937.840	
3	Lê Thị Nga	TTCM	35.043.840	
4	Đinh Thị Châu Loan	Giáo viên	35.970.480	
5	Nguyễn Thị Hiền	TPCM	26.535.600	
6	Nguyễn Thị Lý	Giáo viên	41.951.520	
7	Nguyễn Thị Thu Hương	Giáo viên	25.272.000	
8	Bùi Thị Diễm Hương	Giáo viên	22.913.280	
9	Bùi Thanh Hương	Giáo viên	25.272.000	
10	Phạm Thị Hoa	Kế toán	14.068.080	
	<i>Hoàn thành nhiệm vụ trở lên</i>		8.573.760	
1	Trần Thị Kim Tính	Giáo viên	8.573.760	
VIII	Trường mầm non Sao Mai		511.312.651	
	<i>Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên</i>		511.312.651	

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số tiền (đồng)	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Hoàn	Phó hiệu trưởng	36.026.640	
2	Nguyễn Thị Hoa	Phó hiệu trưởng	47.417.011	
3	Phạm Thị Hương	Phó hiệu trưởng	36.279.360	
4	Bùi Thị Quyên	GV- TTCM	35.296.560	
5	Phạm Thị Út Liên	GV-TPCM	22.871.160	
6	Đàm Thị Toan	Giáo viên	25.524.720	
7	Lương Thị Thanh Vân	Giáo viên	41.488.200	
8	Phạm Hương Lan	TPVP	40.435.200	
9	Nguyễn Thị Hải	Giáo viên	17.690.400	
10	Đinh Thị Thương	GV- TTCM	29.259.360	
11	Phạm Thị Kim Ái	Giáo viên	20.301.840	
12	Lê Thị Quỳnh Nga	GV-TPCM	26.535.600	
13	Đoàn Thị Diễm Huyền	Giáo viên	33.359.040	
14	Nguyễn Thị Thương	Giáo viên	33.359.040	
15	Nguyễn Thị Huyền	Kế toán	10.993.320	
	Hoàn thành nhiệm vụ		54.475.200	
1	Nguyễn Thị Loan	Hiệu trưởng	30.494.880	
2	Lương Thị Kim Bua	Giáo viên	23.980.320	
IX	Trường TH&THCS Hà Sen		1.090.380.377	
	Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên		1.090.380.377	
1	Hoàng Thị Thu	Phó HT	45.096.480	
2	Lê Thị Lượ	TTCM	46.837.440	
3	Bùi Thị Hường	GV	42.288.480	
4	Phạm Xuân Vũ	GV	42.288.480	
5	Nguyễn Thị Phượng My	GV	25.272.000	
6	Nguyễn Thị Thùy Dương	GV	22.492.080	
7	Đoàn Thị Minh	GV	39.171.600	
8	Đinh Thị Mai	TPCM	32.095.440	
9	Bùi Thị Huyền	GV	22.492.080	
10	Hoàng Thị Thương	GV	19.712.160	
11	Phạm Trâm Anh	GV	9.856.080	
12	Lê Đình Đăng	Hiệu trưởng	45.798.480	
13	Nguyễn Thị Định	GV	42.288.480	
14	Phạm Thị Sân Thương	GV	42.288.480	
15	Vũ Thị Soan	GV	42.288.480	
16	Vũ Thị Sinh	TTCM	41.109.120	
17	Vũ Thị Ngọc Hà	GV	39.424.320	
18	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	GV	33.696.000	
19	Hoàng Minh Luyện	GV	39.424.320	
20	Lê Thu Hường	GV	30.831.840	
21	Phạm Thị Dương	GV	45.152.640	
22	Vũ Thị Lệ Vinh	GV	41.193.360	
23	Trần Thị Hoa	GV	38.581.920	

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số tiền (đồng)	Ghi chú
24	Đoàn Thị Dung	GV	36.560.160	
25	Nguyễn Thị Xuyên	GV	33.696.000	
26	Nguyễn Phú Ngọc	GV	39.424.320	
27	Trần Thị Thêu	TPCM	29.315.520	
28	Trần Thị Thanh Hằng	GV	18.233.748	
29	Cao Thị Toán	NV Thiết bị - TTVP	39.420.389	
30	Vũ Thành Đông	NV Thiết bị	30.831.840	
31	Phạm Thị Liên	NV Văn thư - TPVP	33.218.640	
X	Trường TH&THCS Xuân Đám		621.289.375	
	Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên		612.584.575	
1	Đỗ Thị Định	Phó H.trưởng	44.394.480	
2	Trần Thị Kim Dung	Giáo viên	44.076.895	
3	Phạm Thị Hương Giang	Giáo viên	36.560.160	
4	Nguyễn Thị Hiền	TTCM	32.516.640	
5	Hoàng Thị Thu Trang	TPCM	26.535.600	
6	Phạm Thị Trà My	Giáo viên	33.696.000	
7	Nguyễn Thị Giang	Giáo viên	21.060.000	
8	Bùi Thị Thanh Hằng	Giáo viên	19.712.160	
9	Đinh Văn Tấn	Hiệu trưởng	42.653.520	
10	Nguyễn Thị Thanh Xuân	TTCM	40.856.400	
11	Phạm Xuân Hồng	Giáo viên	40.856.400	
12	Bùi Thị Huế	TPCM	26.156.520	
13	Nguyễn Hoài Minh	Giáo viên	28.136.160	
14	Nguyễn Hải Đăng	Giáo viên	33.696.000	
15	Vũ Thị Kim Yến	Giáo viên	26.114.400	
16	Trần Thị Ngát	Giáo viên	8.115.120	
17	Nguyễn Thị Hà	Giáo viên	36.391.680	
18	Hoàng Xuân Trường	Giáo viên	29.147.040	
19	Vũ Văn Thiệp	Giáo viên	29.147.040	
20	Vương Thị Oanh	Giáo viên	12.762.360	
	Hoàn thành nhiệm vụ		8.704.800	
20	Nguyễn Quang Ngọc	Kế toán	8.704.800	
XI	Trường TH&THCS Hiền Hào		571.863.240	
	Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên		571.863.240	
1	Ngô Thị Mân	Giáo viên	35.970.480	
2	Hoàng Tuấn Anh	Giáo viên	28.136.160	
3	Hoàng Thị Vĩ Nhuận	Phó hiệu trưởng	44.394.480	
4	Nguyễn Thị Diễm	Tổ trưởng tiểu học	26.956.800	
5	Nguyễn Thị Ngân	Tổ phó tiểu học	25.145.640	
6	Nguyễn Thị Hiền	Giáo viên	7.497.360	
7	Bùi Thị Thắng	Giáo viên	30.831.840	
8	Nguyễn Minh Tuấn	Giáo viên	24.345.360	
9	Hà Việt Anh	Giáo viên	22.492.080	

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số tiền (đồng)	Ghi chú
10	Trần Thị Thanh Tuyết	Hiệu trưởng	45.236.880	
11	Bùi Đình Lâm	Tổ trưởng THCS	26.956.800	
12	Nguyễn Thị Nguyên	Tổ phó THCS	37.823.760	
13	Hà Quang Ái	Giáo viên	39.424.320	
14	Bế Thị Hoài	Giáo viên	25.272.000	
15	Phạm Duy Thanh	Giáo viên	23.418.720	
16	Hoàng Thị Bích Hằng	Giáo viên	26.282.880	
17	Phạm Khánh Nguyên	Giáo viên	39.424.320	
18	Nguyễn Thị Bình	Giáo viên	22.955.400	
19	Lê Bảo Ngọc	Nhân viên thiết bị	29.147.040	
20	Bùi Thị Hoa Huệ	Nhân viên kế toán	10.150.920	
XII	Trường TH&THCS Gia Luận		550.794.816	
	<i>Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên</i>		550.794.816	
1	Trần Thị Minh	Giáo viên MN	25.272.000	
2	Trần Thị Huyền	Giáo viên MN	25.272.000	
3	Hà Minh Dịp	Giáo viên MN	25.272.000	
4	Đinh Thị Nhanh	Hiệu phó	38.666.160	
5	Hoàng Thị Thanh Thảo	Tổ trưởng CM TH	29.736.720	
6	Vũ Thị Ly	Giáo viên TH	25.272.000	
7	Nguyễn Thu Huyền	Tổ phó CM TH	23.755.680	
8	Mai Huy Hùng	Giáo viên TH	23.882.040	
9	Trần Thị Dương Đan	Giáo viên TH	8.377.668	
10	Lê Đức Toàn	Hiệu trưởng	48.101.040	
11	Vũ Thị Huyền	Giáo viên	42.288.480	
12	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Tổ trưởng CM THCS	37.655.280	
13	Đàm Thị Hoài Anh	Giáo viên THCS	38.581.920	
14	Đỗ Thị Thủy	Giáo viên THCS	42.288.480	
15	Nguyễn Thị Hiền	Giáo viên THCS	28.051.920	
16	Nguyễn Mạnh Linh	Tổ phó CM THCS	32.095.440	
17	Bùi Thu Thương	Giáo viên THCS	18.233.748	
18	Phạm Đặng Ngọc Dung	Giáo viên THCS	9.856.080	
19	Trần Thị Chung Thủy	Nhân viên TB-TN	14.068.080	
20	Vũ Hồng Lê	Nhân viên kế toán	14.068.080	
XIII	Trường TH&THCS Phù Long		633.611.722	
	<i>Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên</i>		633.611.722	
1	Nguyễn Thị Hiệp Hòa	P. hiệu trưởng	42.120.000	
2	Lê Thị Phan	Giáo viên	43.664.962	
3	Đặng Thị Lệ Thương	TTCM	29.736.720	
4	Lý Phương Thảo	Giáo viên	16.848.000	
5	Nguyễn Văn Quang	Giáo viên	33.696.000	
6	Nguyễn Thị Lan ANh	TPCM	23.755.680	
7	Nguyễn Thị Sen	Giáo viên	44.057.520	
8	Phạm Minh Châm	Giáo viên	22.492.080	

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số tiền (đồng)	Ghi chú
9	Trần Thế Thanh	Hiệu trưởng	42.372.720	
10	Lê Hồng Quảng	Giáo viên	36.560.160	
11	Trần Văn Trung	Giáo viên	33.696.000	
12	Đinh Thị Thu Thủy	Giáo viên	44.197.920	
13	Đoàn Hồng Công	TPCM	28.388.880	
14	Đào Thị Hường	Giáo viên	10.277.280	
15	Nguyễn Thị Nhớ	GVTPT	25.735.320	
16	Nguyễn Đình Thao	TTCM	26.956.800	
17	Nguyễn Duy Hưng	Giáo viên	36.560.160	
18	Nguyễn Thị Lệ	Kế toán	32.516.640	
19	Vũ Thị Thoa	NVTB	30.831.840	
20	Nguyễn Thị Thu Hà	VT-TV	29.147.040	
XIV	Trường TH&THCS Văn Phong		710.369.806	
	<i>Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên</i>		710.369.806	
1	Lê Thị Phụng	Phó hiệu trưởng	45.236.880	
2	Nguyễn Thị Phương	TTCM	26.956.800	
3	Bùi Thị Lê An	TPCM	23.755.680	
4	Nguyễn Thị Minh Sen	Giáo viên	36.560.160	
5	Trần Thu Hà Nguyệt Giang	Giáo viên	12.636.000	
6	Nguyễn Thị Hường	Giáo viên	39.171.600	
7	Mai Quý Hân	Giáo viên	39.424.320	
8	Trần Phương Thu	Giáo viên	18.233.748	
9	Phạm Thị Hải Tú	Giáo viên	19.712.160	
10	Nguyễn Thị Quy	Hiệu trưởng	48.943.440	
11	Đoàn Thị Huế	TTCM	43.973.280	
12	Trần Thị Tâm Tinh	TPCM	37.823.760	
13	Đỗ Thị Thu Hà	Giáo viên	45.152.640	
14	Nguyễn Kiên Trung	Giáo viên	36.405.720	
15	Nguyễn Mạnh Tùng	Giáo viên	39.424.320	
16	Đỗ Nhật Lam	Giáo viên	33.696.000	
17	Vũ Thị Quỳnh	Giáo viên	27.125.280	
18	Trần Thị Tú Anh	Giáo viên	25.272.000	
19	Chu Thị Duyên	Giáo viên	22.492.080	
20	Trần Thị Xuân Toan	Nhân viên kế toán	36.310.529	
21	Bùi Thị Huệ	NV VTTV-TP Tổ HC	37.995.329	
22	Nguyễn Thị Thanh Thủy	NV TB	14.068.080	
XV	Trường TH&THCS Hoàng Châu		640.255.169	
	<i>Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên</i>		640.255.169	
1	Nguyễn Thị Hương Thu	P.Hiệu trưởng	47.258.640	
2	Lê Bích Hảo	TTCM	43.973.280	
3	Đỗ Thị Thu Huyền	Giáo viên	33.611.760	
4	Vũ Thị Lan Phương	TPCM	25.145.640	
5	Nguyễn Phúc Yến	Giáo viên	7.497.360	
6	Phạm Thị Hải Châu	Giáo viên	22.492.080	
7	Nguyễn Thị Lan Anh	Giáo viên	19.712.160	
8	Đoàn Thanh Tâm	Hiệu trưởng	47.623.680	
9	Đỗ Thị Bích Mai	TTCM	46.837.440	

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số tiền (đồng)	Ghi chú
10	Đỗ Thị Vân	Giáo viên	39.424.320	
11	Trần Quang Vinh	Giáo viên	36.560.160	
12	Lê Thị Hằng	Giáo viên	39.424.320	
13	Ngô Văn Nam	Giáo viên	37.781.640	
14	Nguyễn Thị Thủy	TPCM	34.959.600	
15	Nguyễn Thị Thu Huyền	Giáo viên	28.051.920	
16	Nguyễn Thị Phương Thúy	Giáo viên	25.272.000	
17	Nguyễn Hoàng Việt	Giáo viên	40.856.400	
18	Nguyễn Thị Thanh	Thư viện- Thiết bị	27.462.240	
19	Trần Thị Hương	Kế toán	36.310.529	
XVI	Trường TH&THCS Nghĩa Lộ		1.113.122.088	
	<i>Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên</i>		<i>1.113.122.088</i>	
1	Vũ Thị Thúy Nga	Giáo viên	42.288.480	
2	Võ Thị Hoa Bắc	Giáo viên	42.288.480	
3	Nguyễn Thị Dịu Thúy	Tổ Trưởng CM	39.733.200	
4	Trần Thị Bằng	Giáo viên	44.076.895	
5	Minh Thị Xuân Hằng	Giáo viên	41.193.360	
6	Nguyễn Thị Thanh Hằng	Giáo viên	4.212.000	
7	Lê Hà Lê	Giáo viên	24.345.360	
8	Lưu Đức Oánh	Giáo viên	42.288.480	
9	Lê Huy Nghĩa	Giáo viên	42.288.480	
10	Đỗ Thị Diệu	Tổ trưởng CM	25.426.440	
11	Nguyễn Thị Phương Dung	Giáo viên	24.261.120	
12	Phạm Quang Thiêm	Giáo viên	42.288.480	
13	Trần Thị Hằng	Giáo viên	33.359.040	
14	Đặng Thị Trâm	Giáo viên	23.882.040	
15	Nguyễn Thị Diệu Huyền	Giáo viên	8.377.668	
16	Trần Thị Ánh Tuyết	Hiệu trưởng	52.088.400	
17	Nguyễn Thu Hương	Phó hiệu trưởng	40.266.720	
18	Lê Thị Kim Oanh	Giáo viên	41.193.360	
19	Minh Thị Lan Anh	Giáo viên	25.272.000	
20	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	Giáo viên	36.560.160	
21	Phạm Thị Thuý	Tổ Phó CM	34.959.600	
22	Trần Thị Hà My	Giáo viên	18.743.400	
23	Nguyễn Thị Thanh Ngân	Tổ Trưởng CM	43.973.280	
24	Vũ Thị Phương Thanh	Tổ Phó CM	25.693.200	
25	Đào Thị Phương Lan	Giáo viên	45.152.640	
26	Hà Thị Huyền Linh	Giáo viên	30.831.840	
27	Đoàn Thị Hạnh	Giáo viên	42.288.480	
28	Đỗ Văn Hùng	Giáo viên	39.424.320	
29	Lương Thị Thanh Hòa	Giáo viên	26.661.960	
30	Phạm Thị Ngọc Ánh	Giáo viên	9.363.276	
31	Lê Thị Việt Hà	Giáo viên	9.856.080	
32	Đỗ Thị Huyền	Giáo viên	25.272.000	
33	Bùi Kiên Trung	Tổ trưởng tổ VP	37.995.329	
34	Bùi Thị Quyên	Nhân viên	32.516.640	
35	Trịnh Thị Hiếu	Nhân viên	14.699.880	
XVII	Trường tiểu học Nguyễn Văn Trỗi		2.036.851.877	
	<i>Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên</i>		<i>2.027.148.552</i>	

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số tiền (đồng)	Ghi chú
1	Trương Thị Phương Thảo	Hiệu trưởng	46.500.480	
2	Đoàn Việt Hà	Phó hiệu trưởng	39.929.760	
3	Đoàn Minh Phương	Phó hiệu trưởng	42.793.920	
4	Bùi Thị Quế	Phó hiệu trưởng	48.522.240	
5	Phạm Thị Thúy Ngọc	Phó hiệu trưởng	38.595.960	
6	Lê Thị Thu Thủy	Phó hiệu trưởng	44.815.680	
7	Vũ Quỳnh Anh	Giáo viên	22.492.080	
8	Vũ Quỳnh Anh	Giáo viên	33.696.000	
9	Đặng Thúy Châm	Giáo viên	45.573.840	
10	Phạm Thanh Dung	Giáo viên	28.051.920	
11	Vũ Hải Dương	Giáo viên	8.377.668	
12	Lê Thị Giang	Giáo viên	30.831.840	
13	Phạm Thị Huyền	Giáo viên	41.333.760	
14	Phạm Thị Thanh Huyền	Giáo viên	42.288.480	
15	Nguyễn Thị Hồng	Giáo viên	34.075.080	
16	Đoàn Thị Việt Hương	TTCM	35.380.800	
17	Nguyễn Thị Thu Hiền	Giáo viên	7.497.360	
18	Trịnh Thị Hương	Giáo viên	22.492.080	
19	Nguyễn Thị Phương Hồng	Giáo viên	28.051.920	
20	Tô Thị Huân	Giáo viên	36.560.160	
21	Hoàng Kim Hậu	Giáo viên	39.171.600	
22	Ngô Thu Hà	Giáo viên	19.712.160	
23	Bùi Thị Hương	Giáo viên	35.380.800	
24	Hà Thị Lâm	Giáo viên	39.171.600	
25	Nguyễn Ngọc Lan	TPCM	43.552.080	
26	Hoàng Thùy Linh	Giáo viên	34.538.400	
27	Ninh Thị Mai Loan	Giáo viên	29.905.200	
28	Nguyễn Thị Ngọc Lan	Giáo viên	33.696.000	
29	Phạm Thị Lệ	Giáo viên	7.497.360	
30	Phạm Thị Phương Mai	Giáo viên	8.377.668	
31	Nguyễn Thị Mùi	Giáo viên	42.288.480	
32	Trần Thị Diệu Ninh	Giáo viên	28.051.920	
33	Nông Thị Kim Nhung	TPCM	34.959.600	
34	Nguyễn Thị Nhung	Giáo viên	19.712.160	
35	Phạm Bích Ngọc	Giáo viên	16.426.800	
36	Lưu Thị Thúy Nga	GV	42.288.480	
37	Hoàng Thị Thùy Oanh	Giáo viên	42.288.480	
38	Đỗ Thị Kim Oanh	TTCM	38.244.960	
39	Vũ Đắc Phúc	Giáo viên	34.201.440	
40	Nguyễn Thị Lan Phương	Giáo viên	33.696.000	
41	Phạm Thị Sáng	TTCM	43.973.280	
42	Hà Thị Toán	Giáo viên	45.152.640	
43	Đào Minh Tuấn	Giáo viên	8.377.668	
44	Hà Anh Tú	Giáo viên	33.696.000	
45	Đào Thị Trịnh	TTCM	46.837.440	
46	Hoàng Thị Trang	GV	22.955.400	
47	Bùi Thị Thu	GV	36.560.160	
48	Vũ Thị Thanh Thảo	TTCM	43.973.280	
49	Vũ Thị Thu Thảo	TPCM	5.826.600	
50	Phạm Kim Thúy	Giáo viên	45.152.640	

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số tiền (đồng)	Ghi chú
51	Lê Thị Thu Thủy	Giáo viên	25.272.000	
52	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Giáo viên	22.492.080	
53	Nguyễn Thị Tường Vi	Giáo viên	8.377.668	
54	Vũ Thị Ngọc Yến	Giáo viên	42.288.480	
55	Lê Thị Hải Yến	TPCM	37.823.760	
56	Nguyễn Thị Bảo Yến	Giáo viên	28.051.920	
57	Lê Thị Hương Lan	Giáo viên	22.492.080	
58	Đoàn Tiến Tiếp	Giáo viên	33.696.000	
59	Nguyễn Thị Tú Anh	Giáo viên	41.193.360	
60	Nguyễn Thùy Dương	TTVP	29.147.040	
61	Hứa Thị Thu Lệ	Văn thư - TT tổ VP	30.831.840	
62	Nguyễn Phương Thanh	Kế toán	12.523.680	
63	Đinh Thị Ngân	Giáo viên	7.497.360	
64	Nguyễn Thị Lệ	Giáo viên	28.051.920	
65	Trần Bích Hòa	Giáo viên	23.882.040	
	Hoàn thành nhiệm vụ	Giáo viên	9.703.325	
1	Vũ Thị Bích Thoa	Giáo viên	9.703.325	
XVIII	Trường THCS thị trấn Cát Bà		1.468.765.256	
	Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên		1.468.765.256	
1	Nguyễn Thị Hương	Hiệu trưởng	49.785.840	
2	Vũ Thị Phương Trâm	Phó hiệu trưởng	42.260.400	
3	Hoàng Thị Yên	Phó hiệu trưởng	40.182.480	
4	Đỗ Thị Anh	Giáo viên - Tổ trưởng	41.109.120	
5	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Giáo viên	33.611.760	
6	Phạm Thị Vân Anh	Giáo viên	30.747.600	
7	Lê Thị Ngọc Bích	Giáo viên	25.272.000	
8	Vũ Thị Kim Dung	Giáo viên	30.831.840	
9	Vũ Thị Phương Dung	Giáo viên	20.301.840	
10	Nguyễn Thị Hằng	Giáo viên	45.152.640	
11	Vũ Thị Hiền	Giáo viên	44.900.762	
12	Hoàng Thị Thu Hương	Giáo viên	36.560.160	
13	Trần Thị Mai Linh	Giáo viên	1.979.640	
14	Hoàng Thị Quỳnh Loan	Giáo viên	33.696.000	
15	Phạm Thị Mai	Giáo viên - Tổ phó	28.473.120	
16	Ngô Thị Phụng	Giáo viên	28.051.920	
17	Bùi Thị Thanh Thảo	Giáo viên	26.577.720	
18	Trịnh Thị Thu Thủy	Giáo viên	39.424.320	
19	Nguyễn Huyền Trang	Giáo viên	33.696.000	
20	Hà Quang Cường	Giáo viên	28.051.920	
21	Ngô Thị Tuyết	Giáo viên	37.781.640	
22	Lê Thị Thuận	Giáo viên	30.831.840	
23	Nguyễn Thị Huyền Trang	Giáo viên - Tổ trưởng	35.380.800	
24	Nguyễn Thị Dung	Giáo viên	35.970.480	
25	Đào Thị Thu Hằng	Giáo viên	33.696.000	
26	Dương Thị Hiền	Giáo viên - Tổ phó	29.315.520	
27	Đoàn Thị Nguyệt Nga	Giáo viên	37.276.200	
28	Phạm Thị Nguyệt	Giáo viên	33.611.760	
29	Bùi Thanh Nhã	Giáo viên	30.831.840	
30	Dương Thị Như	Giáo viên	39.424.320	

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số tiền (đồng)	Ghi chú
31	Phạm Thị Bình Nguyên	Giáo viên	36.560.160	
32	Mai Thị Thuận	Giáo viên	33.611.760	
33	Đoàn Thị Thuý	Giáo viên	42.288.480	
34	Hoàng Thị Toán	Giáo viên	38.581.920	
35	Lê Cẩm Tú	Giáo viên	40.379.040	
36	Vũ Anh Tuấn	Giáo viên	33.611.760	
37	Lê Thị Vỹ	Giáo viên	42.288.480	
38	Bùi Thị Thu Hoài	NV TV - Tổ trưởng	30.831.840	
39	Lê Thị Thanh Mai	NV VT - Tổ phó	28.725.840	
40	Nguyễn Thị Thu Hằng	Giáo viên	19.712.160	
41	Phan Thị Thanh Hương	Giáo viên	20.301.840	
42	Vũ Hồng Hiệp	Giáo viên - TPT	25.272.000	
43	Nguyễn Thị Thương	Giáo viên	34.117.200	
44	Nguyễn Thị Trang	Giáo viên	9.559.134	
45	Nguyễn Thị Huyền	Kế toán	12.762.360	
46	Lê Thị Kim Liên	NV Thiết bị	15.373.800	
XIX	Trường TH&THCS Đoàn Đức Thái		1.668.283.906	
	<i>Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên</i>		<i>1.645.819.906</i>	
0	Phạm Thị Hồng Khanh	Hiệu trưởng	45.658.080	
1	Phạm Thị Hải Hà	Phó hiệu trưởng	44.815.680	
2	Nguyễn Thị Phượng	Giáo viên	45.152.640	
3	Trần Thị Diễm	Giáo viên	42.288.480	
4	Chu Thị Thu Hương	TTCM	43.973.280	
5	Phạm Thị Tú Anh	TTCM	35.380.800	
6	Hà Thị Ngà	Giáo viên	36.391.680	
7	Tô Quang Vinh	Giáo viên	36.082.800	
8	Tô Thị Thanh Vân	Giáo viên	42.288.480	
9	Nguyễn Thị Kiều Diễm	TPCM	26.535.600	
10	Nguyễn Thị Huệ	Giáo viên	39.901.680	
11	Phạm Thị Thu Huyền	Giáo viên	39.171.600	
12	Lê Phương Loan	Giáo viên	28.051.920	
13	Trần Tiến Phương	Giáo viên	25.272.000	
14	Trần Thành Long	Giáo viên	24.345.360	
15	Lê Thị Thu Huyền	TPCM	23.755.680	
16	Tô Thị Hoài Hương	Giáo viên	22.492.080	
17	Nguyễn T. Diễm Quỳnh	Giáo viên	25.272.000	
18	Phạm Thị Thu Thảo	Giáo viên	22.492.080	
19	Lê Đức Cường	Giáo viên	19.712.160	
20	Nguyễn T. Thanh Thanh	Giáo viên	25.272.000	
21	Đặng Thị Hồng Gấm	TT tổ VP	39.398.486	
22	Trần Đình Toàn	TP tổ VP	33.359.040	
23	Nguyễn Thu Hoài	Giáo viên	8.377.668	
24	Hoàng Văn Tùng	Hiệu trưởng	44.647.200	
25	Nguyễn Thị Mai Hoa	Phó hiệu trưởng	42.120.000	
26	Hoàng Thị Minh Tươi	Giáo viên	45.152.640	

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số tiền (đồng)	Ghi chú
27	Phạm Thị Kim Anh	Giáo viên	40.856.400	
28	Bùi Thị Kim Thoa	Giáo viên	43.253.028	
29	Bùi Minh Đông	Giáo viên	37.276.200	
30	Phạm Quang Vinh	Giáo viên	36.560.160	
31	Hà Thị Thu Hà	TTCM	38.076.480	
32	Nguyễn Minh Thu	Giáo viên	33.696.000	
33	Dương Thị Quỳnh Lan	Giáo viên	36.391.680	
34	Trần Thị Hải Yến	Giáo viên	35.001.720	
35	Đàm Thị Kim Thoa	Giáo viên	36.560.160	
36	Nguyễn Hồng Vân	Giáo viên	33.696.000	
37	Hà Thị Tố Nga	TTCM	26.956.800	
38	Trần Thị Minh Thu	Giáo viên	14.994.720	
39	Phạm Thị Hải Ninh	Giáo viên	25.272.000	
40	Bùi Thị Bảo Chi	Giáo viên	28.515.240	
41	Ngô Thị Hương	Giáo viên	27.967.680	
42	Lê Bảo Long	Giáo viên	28.051.920	
43	Nguyễn Thị Thanh Duyên	TP Tổ CM	25.693.200	
44	Nguyễn Bình Trọng	Giáo viên	27.125.280	
45	Nguyễn Minh Anh	Giáo viên	20.554.560	
46	Nguyễn Thị Nán	Giáo viên	19.712.160	
47	Trịnh Duy Long	Giáo viên	18.233.748	
48	Nguyễn Hồng Nhung	Giáo viên	8.377.668	
49	Trần Thị Hồng Yến	Nhân viên	38.647.627	
50	Nguyễn Quỳnh Giang	TT Tổ VP	30.831.840	
51	Nguyễn Thị Minh Giang	TP Tổ VP	14.699.880	
52	Nguyễn Thị Mai Thanh	Nhân viên	11.456.640	
	Hoàn thành nhiệm vụ		22.464.000	
1	Hà Quang Thắng	Giáo viên	22.464.000	
XX	Trung tâm GDNN-GDTX		363.800.549	
	Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên		363.800.549	
1	Lê Văn Thục	Giám đốc	49.383.173	
2	Lê Thị Bằng Giang	Giáo viên	44.049.096	
3	Đặng Thị Diễm	Phó Giám đốc	41.151.240	
4	Phạm Thị Như Quỳnh	Giáo viên - TTDN	41.698.800	
5	Bùi Thị Thanh Hoa	Giáo viên	39.171.600	
6	Trần Thị Hiên	GV - TT GDTX	38.918.880	
7	Nguyễn Thị Nguyệt	Giáo viên	30.831.840	
8	Hoàng Thị Huyền Châm	Giáo viên	28.051.920	
9	Nguyễn Thị Thu Hồng	Giáo viên	25.272.000	
10	Bàng Đức Thêm	Giáo viên	11.246.040	
11	Trần Thị Bích Hiệp	Kế toán	14.025.960	